TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **167**/2022/QĐTTLH	*TP.Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh Lê H và chị Nguyễn H1;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc yêu cầu ly hôn của anh Lê H;

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 23 tháng 8 năm 2022 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Anh Lê H, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn 5, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Người bị kiện: Chị Nguyễn H1; sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn V, xã L, thành phố Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 23 tháng 8 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 23 tháng 8 năm 2022, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê H và chị Nguyễn H1 cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Lê H và chị Nguyễn H1 cùng xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Lê T, sinh ngày 22/5/2020. Khi ly hôn chị Nguyễn H1 là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh Lê H có nghĩa vụ cấp dưỡng con chung cùng chị Hải cho cháu Lê T số tiền 2.500.000 đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng kể

từ tháng 10 năm 2022 đến khi cháu Lê T, sinh ngày 22/5/2020 đủ 18 tuổi. Anh Lê H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án

- Về tài sản chung: Anh Lê H và chị Nguyễn H1 đều xác định không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết;

- Về các vấn đề khác: Anh Lê H và chị Nguyễn H1 đều xác định vay nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND thành phố Tuyên Quang;
- THADS thành phố Tuyên Quang;
- UBND xã L;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hương Giang